TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST Ngày 19/12/2018 V/v yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Bảo

2. Bà Nguyễn Thị Mý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 113/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Thôn I, thị trấn I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D; địa chỉ: Thôn I, thị trấn I, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Th và anh Trần Văn D kết hôn ngày 18/6/2001 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn được một thời gian thì anh D trở nên nghiện rượu, hay say sưa; mỗi lần uống rượu say là chửi bới, đánh đập vợ con vô cớ và không tôn trọng vợ. Chị đã cố gắng chịu đựng sống chung vì các con chị còn nhỏ. Trong thời gian đó chị cũng khuyên nhủ anh D rất nhiều lần nhưng không có kết quả, anh D tiếp tục uống rượu và đánh đập, chửi bới vợ con. Đến đầu năm 2017, anh D ngày càng nghiện rượu nặng, không đi làm, tối đến về nhà là chửi

bới, đánh đập vợ con làm cho các con của anh chị không dám về nhà học bài vì sợ anh đánh đập, hành hung. Sức chịu đựng của chị có giới hạn, đến nay chị không thể chịu đựng được nữa, tình cảm của chị đối với anh D không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay nên tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/12/2002, Trần Đức T, sinh ngày 15/3/2007. Ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2018 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Trần Văn D trình bày:

Chị Th trình bày về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như trên là đúng sự thật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có uống rượu, đánh đập vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Tuy nhiên, hiện nay anh đã bỏ rượu, mong muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh D không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/12/2002, Trần Đức T, sinh ngày 15/3/2007.

Trường hợp phải ly hôn, anh D có nguyện vọng được nuôi 01 cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và nguyên đơn là đảm bảo, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, giao cháu H và cháu T cho chị Thân nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D kết hôn ngày 18/6/2001 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D bởi vì anh D nghiện rượu, rất hay đánh chị và các con chị. Mỗi lần anh D uống rượu là hành hung các con chị, dẫn đến các con của họ không dám về nhà học bài vì sợ. Hơn nữa, đến nay chị không còn tình cảm với anh D; vợ chồng chị đã ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc gì cho nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của chị Th là có căn cứ bởi trong các lời khai có tại hồ sơ, anh D đã thừa nhận những sai lầm của bản thân, thường hay uống

rượu và có bạo lực với vợ, với con. Vì anh D có hành vi bạo lực gia đình, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần và vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của chị Th cho nên đây là nguyên nhân làm cho hôn nhân gia đình đổ vỡ, không thể hàn gắn. Đồng thời, chị Th không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc anh D; hiện nay họ vẫn tiếp tục sống ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau và sau khi hòa giải không thành thì anh D bỏ mặc việc khởi kiện của chị Th, không đến tham gia phiên tòa cho dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D có hai người con chung là cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/12/2002, Trần Đức T, sinh ngày 15/3/2007. Chị Th có yêu cầu nuôi cả hai người con chung, nhưng anh D lại yêu cầu nuôi một trong hai cháu.

Hội đồng xét xử nhận thấy các con của đương sự đều là những người trên 07 tuổi, chúng đều có nguyện vọng được sống với chị Th vì hiện tại các cháu đang ở cùng chị, anh D không chăm sóc, giáo dục hoặc quan tâm gì. Mặt khác, thấy rằng anh D là người thường hay uống rượu, không làm chủ được bản thân và có hành vi bạo lực gia đình, nếu giao con cho anh D nuôi sẽ gây ảnh hưởng đến tinh thần của cháu H, cháu T. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu H, cháu T cho chị Th nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Giao cháu Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/12/2002 và cháu Trần Đức T, sinh ngày 15/3/2007 cho Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, tự lập được hoặc đã thành

niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được phép cản trở người đó thực hiện quyền này.

(Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là vì quyền lợi của con nhưng chị Thân vẫn không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con)

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004824 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã Xuân Trường, Nghi Xuân, Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Lưu Anh Tuấn